

Số: **0.037**
/ CBTT – VTTB

Hà nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG THỜI HẠN 24 GIỜ VĂN BẢN ĐẾN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước,
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.



Công ty: **Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.**
Trụ sở chính: Tổ 12 thị trấn Đông Anh-Huyện Đông Anh-Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 043 8833247 Fax: 043 9689871

Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Đức Khiêm**
Chức vụ: Giám đốc Công ty.
Địa chỉ: Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.
Điện thoại: (di động, cơ quan, nhà riêng)
ĐD: 0913 323 055 Cơ quan: 0243 968 6829

Nội dung thông tin công bố:

- (1). Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- (2). Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- (3). Địa chỉ trang Website đăng tải thông tin của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI: <http://www.vttbvietsbac-vvmi.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

1.Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, HĐQT(Ch.2)

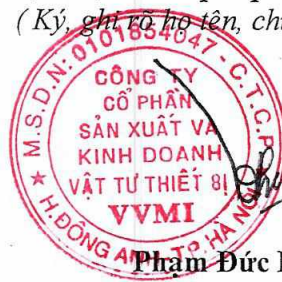
2.Tài liệu đính kèm:

- BB Đại hội ĐCĐ TN năm 2019
- NQ Đại hội ĐCĐ TN năm 2019.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Đức Khiêm

0 0 3 6
Số: /NQ - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ QĐ số: 68/2004/QĐ-BCN ngày 30/7/2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than thành Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị Than nội địa, nay là Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị -VVMI ban hành theo Quyết định số: 0056/QĐ - HĐQT ngày 13/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI được tổ chức vào 7h30' ngày 25/03/2019 tại Hội trường tầng 3 của Công ty. Địa chỉ: Tổ 12 Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

- Tham dự Đại hội có 44 cổ đông đại diện cho 1 118 046 cổ phần/ 1 250 000 cổ phần đạt 89.4 % .

Trong đó có 01 đại biểu là đại diện cổ đông pháp nhân sở hữu 637 507 cổ phần /1 250 000 cổ phần chiếm 51% và 43 đại biểu là thể nhân đại diện cho 480 539 cổ phần /1 250 000 cổ phần chiếm 38.4 % (Danh sách cổ đông dự Đại hội kèm theo)

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thảo luận và nhất trí:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHĐCĐ	Thực hiện	Tỷ lệ(%) TH/KH
I	Hiện vật chủ yếu				
1	SX&Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	14 000 000	16 653 839	118
2	SX&Tiêu thụ vỏ bao Hydroxit nhôm	Vỏ	400 000	150 000	38
3	SX&Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M ²	1 800 000	1 493 574	82
4	SX kéo rút thép nguội	Tấn	4 000	2 626	65

5	SX & Tiêu thụ phụ kiện hầm lò	Bộ	500 000	512 616	102
II	Tổng doanh thu:	Tr.đ	278 132	237 790	85
1	DT khối Sản xuất	Tr.đ	165 225	168 979	102
2	DT khối kinh doanh, dịch vụ	Tr.đ	112 907	68 811	60
III	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	1 200	0	0
IV	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	1 182	1 082	91
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	3 520	4 506	128
VI	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân năm	Người	197	158	80
2	Tiền lương bình quân 1CNV	Đồng/tháng	6 750 000	6 462 697	95
VII	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3 000	1 853	61
VIII	Nộp thuế TNDN	Tr.đ		469	
IX	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ		1 384	
X	Trả cổ tức /vốn điều lệ 12,5 tỷ	%	12	7	58

Điều 2: Thông qua Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2019
I	Chỉ tiêu hiện vật		
1	SX&Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	15 000 000
2	SX&Tiêu thụ vỏ bao Hydroxit nhôm	Vỏ	200 000
3	SX&Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M ²	1 600 000
4	SX kéo rút thép nguội	Tấn	2 800
5	SX & Tiêu thụ phụ kiện hầm lò	Bộ	500 000
6	SX & Tiêu thụ vỏ bao Jumbo 1 tấn	Cái	40 000
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	250 429
1	Doanh thu Khối SX	Tr.đ	172 929
2	Doanh thu Kinh doanh, dịch vụ	Tr.đ	77 500
III	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	5 480
1	Dự án đầu tư xe ô tô vận tải tải trọng > hoặc = 13 tấn	Tr.đ	1 480
2	Lập BCKT nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm	Tr.đ	100
3	Dự án nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm	Tr.đ	3 900
IV	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	1 466
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	3 750
VI	Lao động và thu nhập		
1	Lao động bình quân năm	Người	175

2	Tiền lương bình quân 1CNV	Đồng/tháng	7 100 000
VII	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2 500
VIII	Trả cổ tức trên vốn góp (12,5 tỷ)	%	10

Điều 3: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018 với nội dung chính như sau :

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	KẾT QUẢ KINH DOANH		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	237 790 396 535	
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	1 853 159 347	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	469 012 433	
4	Lợi nhuận sau thuế	1 384 146 914	
II	THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH		
1	Tổng số thuế phải nộp	4 183 599 776	
2	Tổng số thuế đã nộp	4 506 365 683	
3	Tổng số thuế còn phải nộp	817 436 890	
III	TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN		
*	TÀI SẢN		
A	Tài sản ngắn hạn	41 791 155 887	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	595 092 605	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	30 614 777 698	
4	Hàng tồn kho	10 567 027 089	
5	Tài sản ngắn hạn khác	14 258 495	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	2 552 356 620	
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	2 552 356 620	
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	44 343 512 507	
*	NGUỒN VỐN		
A	NỢ PHẢI TRẢ	26 427 743 899	
1	Nợ ngắn hạn	26 341 834 800	
2	Nợ dài hạn	85 909 099	
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	17 915 768 608	

1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12 500 000000	
2	Vốn khác của chủ sở hữu		
3	Quỹ đầu tư phát triển	4 031 621 694	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1 384 146 914	
C	NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	44 343 512 507	

Điều 4: Phân phối lợi nhuận năm 2018 và thông qua mức chia cổ tức

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng
Lợi nhuận trước thuế	1 853 159 347
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	469 012 433
Lợi nhuận sau thuế	1 384 146 914
Phân phối lợi nhuận	
- Chi trả cổ tức	875 000 000
- Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ	509 146 914
- Quỹ đầu tư phát triển	152 744 074
- Quỹ khen thưởng	178 202 420
- Quỹ phúc lợi	178 202 420
- Quỹ thưởng viên chức quản lý	

Điều 5: Thông qua Phương án chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2019 như sau:

Chức danh	Mức thù lao hàng tháng
Chủ tịch HĐQT	4 320 000 đồng
Ủy viên HĐQT	3 780 000 đồng
Ủy viên ban KS	3 420 000 đồng

- Trong quá trình thực hiện nếu chính sách nhà nước có sự thay đổi thì Công ty sẽ thay đổi theo văn bản hướng dẫn của cấp trên cho phù hợp.

Điều 6: Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị- VVMI năm 2019

Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua đề HĐQT đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên BKS nhiệm kỳ 2015-2020 đối với Bà Lê Thị Hồng Cẩm kể từ ngày 25/03/2019.

Điều 8: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên KSV Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị- VVMI nhiệm kỳ 2015-2020 tại đại hội đồng cổ đông năm 2019.

1. Bà Trần Thu Hương - Kiểm soát viên

Điều 9: Tổ chức thực hiện

1. Giao cho HĐQT, Giám đốc Công ty xây dựng các biện pháp cụ thể để chỉ đạo điều hành hoàn thành toàn diện kế hoạch SXKD năm 2019 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

2. Giao cho HĐQT ban hành các quyết định phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính năm 2018, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông theo các số liệu ghi trong Nghị quyết này.

3. Giao cho HĐQT thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đồng thời HĐQT có trách nhiệm công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán nhà nước và thông báo đến từng cổ đông chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Đại hội để các cổ đông biết và thực hiện.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI năm 2019 đã được thông qua trước Đại hội và được toàn thể Đại hội biểu quyết tán thành với số cổ phần biểu quyết là 1 118 046 / 1 118 046 cổ phần dự họp, đạt tỷ lệ 100 %.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ VB (b/c)
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát
- Các phòng, đơn vị Công ty
- Các cổ đông đại diện (40)
- Lưu VT, Hồ sơ ĐH (66 b)



Đỗ Huy Hùng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI

(Kèm theo NQ Đại hội số: **0036** /NQ - ĐHĐCĐ ngày **25/3/2019**)

STT		Họ và tên cổ đông/Người được ủy quyền	Mã số cổ đông	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
A		B	C	1	2	3=1+2	4
	A	Cổ đông pháp nhân		637 507		637 507	
	I	Tổng công ty CN mở Việt bắc TKV-CTCP	1	637 507		637 507	
1	1	Đỗ Huy Hùng					
	B	Cổ đông thể nhân		435 037	45 502	480 539	
	II	Phòng TCHC		246 915	19 334	266 249	
2	1	Phạm Đức Khiêm	32	240 914	19 334	260 248	
3	2	Trần Văn Bảy	14	1 667		1 667	
4	5	Lê Thị Kim Chi	153	1 667		1 667	
5	6	Vũ Thị Linh	127	2 667		2 667	
	III	Phòng Kế toán		10 250		10 250	
6	1	Bùi Phương Anh	174	7 917		7 917	
7	2	Ngô Hải Long	178	2 333		2 333	
	IV	Phòng KH-VT-TT		10 333	5 959	16 292	
8	1	Trịnh Văn Toàn	89	4 042	5 959	10 001	
9	2	Trịnh Minh Phương	152	333		333	
10	3	Nguyễn Mạnh Hùng	23	5 958		5 958	
	V	Phòng Kinh doanh I		12 167	667	12 834	
11	1	Nguyễn Trọng Đức	24	12 167	667	12 834	
	VI	Phòng Kỹ thuật		6 250	3 667	9 917	
12	1	Ngô Minh Vinh	177	1 000		1 000	
13	2	Nguyễn Hải Hùng	78	1 667	1 667	3 334	
14	3	Phạm Xuân Chiến	162	3 583	2 000	5 583	
	VII	Xưởng Lưới Thép		37 081		37 081	
15	1	Tô Toàn Thắng	123	9 958		9 958	
16	2	Phạm Đức Nghĩa	120	18 166		18 166	

TS	TT	Họ và tên cô đồng/Người được ủy quyền	Mã số cô đồng	Sở hữu	Đại diện	Tổng số	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1+2	4	
17	3	Nguyễn Thị Hằng	39	3 625		3 625	
18	4	Phạm Thị Yến	90	1 667		1 667	
19	5	Trần Văn Sanh	35	2 333		2 333	
20	6	Hoàng Văn Kiên	131	333		333	
21	7	Nguyễn Như Hợp	165	333		333	
22	8	Dương Tiến Dũng	129	333		333	
23	9	Nguyễn Thị Liễu	135	333		333	
	VIII	<u>Xưởng bao bì</u>		<u>20 875</u>	<u>1 000</u>	<u>21 875</u>	
24	1	Lê Văn Cường	124	1 000	1 000	2 000	
25	2	Nguyễn Thị Lý	76	3 292		3 292	
26	3	Trần Văn Thắng	175	7 917		7 917	
27	4	Đỗ Thị Thanh Vân	141	2 000		2 000	
28	5	Nguyễn Thị Minh Tuyên	144	2 000		2 000	
29	6	Đặng Thị Ngọc Hoa	145	1 333		1 333	
30	7	Chu Minh Sơn	151	333		333	
31	8	Bùi Thị Lan	137	1 333		1 333	
32	9	Ma Thị Tuyên	173	1 667		1 667	
	IX	<u>Phòng Kinh doanh II</u>		<u>28 666</u>	<u>6 958</u>	<u>35 624</u>	
33	1	Phạm Đức Trung	34	13 125		13 125	
34	2	Hoàng Thị Thu Hà	181	15 541		15 541	
35	3	Nguyễn Xuân Phòng			6 958	6 958	
	X	<u>Cổ đồng khác</u>		<u>62 500</u>	<u>7 917</u>	<u>70 417</u>	
36	1	Phạm Thị Bình	102	12 708		12 708	
37	3	Nguyễn Thị Lý	20	1 917		1 917	
38	4	Lê Thị Thanh	26	1 667	3 292	4 959	
39	5	Vũ Thị Thu Giang			4 625	4 625	
40	6	Nguyễn Thị Thanh	22	9 583		9 583	
41	7	Phạm Thị Hường	60	16 833		16 833	
42	8	Đỗ Thị Tại	61	8 583		8 583	

TS	TT	Họ và tên cô đồng/Người được ủy quyền	Mã số cô đồng	Sở hữu	Đại diện	Tổng số	Ghi chú
A		B	C	1	2	3=1+2	4
43	9	Lê Thị Nhung	69	7 917		7 917	
44	10	Nguyễn Thị Ánh	96	3 292		3 292	
		Tổng cộng I+II = 44		1 072 544	45 502	1 118 046	

Hà Nội, Ngày 25 tháng 03 năm 2019

THƯ KÝ



Lê Thị Kim Chi

CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Huy Hùng

Phụ lục 5: Mẫu Sơ yếu lý lịch dùng cho ứng cử viên thành viên HĐQT/BKS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. (Dùng cho ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI)

1. Họ và tên: TRẦN THU HƯƠNG
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Ngày sinh: 03/10/1975
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. CMND số: 010175000012 ngày cấp: 12/06/2018
nơi cấp: Cục trưởng cục CS ĐKQL cư trú và DL QG về dân cư
6. Địa chỉ thường trú: Số nhà 5/1/30 ngõ 194 Phố Đội Cấn - Q. Ba Đình - TP. Hà Nội
7. Số điện thoại liên lạc: 096 83 72 188
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Cử nhân	Tài chính - Tín dụng (Lớp Quản trị Tài chính - Doanh nghiệp)	1999	4 năm	Trường đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội
Cử nhân ngoại ngữ (hệ Tại chức)	Tiếng Anh	2004	3 năm	Trường đại học Sư phạm Ngoại ngữ
Thạc sỹ Kinh tế	Tài chính Tín dụng	2008	3 năm	Trường đại học Kinh tế Quốc dân

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 2/2000 đến tháng 5/2004	Khách sạn Heritage Hà Nội - VVMI	N.viên phòng Kế toán Thống kê - Tài chính
Từ tháng 6/2004 đến tháng 5/2014	Khách sạn Heritage Hà Nội - VVMI	Phó phòng Kế toán Thống kê - Tài chính
Từ tháng 3/2015 đến 24 tháng 3 năm 2017	Công ty CP Cơ khí và Thiết bị Áp lực VVMI	Nhân viên phòng Kế hoạch - Đầu tư
Từ 24 tháng 3 năm	Công ty CP Cơ khí và Thiết bị Áp lực	Trưởng ban Kiểm soát

2017 đến 28 tháng 02 năm 2019	VVMI	chuyên trách
Từ ngày 01 tháng 03 năm 2019 đến nay	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Phó phòng Quản lý vốn - Kiểm soát nội bộ

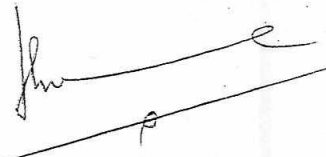
Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2019

Hồ sơ đính kèm: (CMND, bằng cấp, ...)

1. CMTND
2. Bằng ĐH TCKT, ĐHNN
3. Bằng Cao học

Ứng cử viên



Trần Thu Hương

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB -VVMI

Thực hiện thông báo số 0034/TB-HĐQT ngày 22/03/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Hôm nay vào hồi 7h30' ngày 25/03/2019 tại trụ sở Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã được tổ chức trọng thể.

I/- Thành phần tham dự đại hội gồm có:

1- Đại biểu Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV – CTCP :

- Ông: Đỗ Huy Hùng – Trưởng phòng Phòng QLV- KSNB -Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI;

- Bà: Trần Thu Hương – Phó phòng Phòng QLV – KSNB - Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP;

- Bà Lê Thị Hồng Cẩm – Chuyên viên phòng Kế toán thống kê tài chính - Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP, Kiểm soát viên Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

2- Đại biểu Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị- VVMI:

Các ông, bà là thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát công ty và bốn mươi bốn (44) vị cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho 1 118 046 cổ phần/1 250 000 cổ phần, bằng 89.4% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng).

(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)

- **Chủ trì đại hội:** Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Ban thư ký đại hội:

1. Bà: Lê Thị Kim Chi - Thư ký Công ty

2. Ông: Phạm Đức Nghĩa - Cổ đông Công ty

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

1. Ông: Tô Toàn Thắng - UV BKS Công ty - Trưởng ban

2. Bà: Bùi Phương Anh - Cổ đông Công ty - Thành viên

3. Ông: Ngô Hải Long - Cổ đông Công ty - Thành viên

II/- Nội dung Đại hội

Sau lễ chào cờ, khai mạc; Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội; Đại hội đã tiến hành làm việc:

1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và Thông qua chương trình đại hội; thông qua Quy chế tổ chức Đại hội:

- Đại hội được nghe Ông Tô Toàn Thắng – Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và công bố có bốn mươi bốn (44) vị cổ đông của công ty, sở hữu và đại diện cho 1 118 046 cổ phần/1 250 000 cổ phần, bằng 89.4 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng). Trong đó có một(01) đại biểu là đại diện cổ đông pháp nhân sở hữu 637 507 cổ phần/1 250 000 cổ phần chiếm 51% và bốn mươi ba(43) đại biểu là đại diện cổ đông thể nhân đại diện cho 480 539 cổ phần/1 250 000 cổ phần chiếm 38.4% (Danh sách cổ đông dự đại hội kèm theo)

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị -VVMI, căn cứ vào số đại biểu cổ đông nắm giữ cổ phần có mặt dự đại hội; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty đã hội đủ các điều kiện để tiến hành.

2. Đại hội nghe trình bày các báo cáo sau:

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 do ông Phạm Đức Khiêm - Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty trình bày.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và định hướng năm 2019 do ông Đỗ Huy Hùng chủ tịch HĐQT trình bày.

- Báo cáo giám sát hoạt động của HĐQT và bộ máy điều hành công ty, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2018; do Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình xin phê duyệt kết quả SXKD và báo cáo tài chính năm 2018; Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018; do Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

Tờ trình thông qua chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018, kế hoạch năm 2019 do Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty do Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

3. Đại hội tiến hành bầu bổ sung thành viên KSV công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020.

- Ông Ngô Minh Vinh - Thành viên HĐQT thay mặt HĐQT công bố quyết định thay đổi người đại diện phần vốn của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP tham gia BKS Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Trình bày tờ trình xin miễn nhiệm thành viên BKS; Tờ trình bầu thay thế thành viên BKS; Thông qua quy chế bầu cử. Danh sách ứng cử viên thay thế BKS cụ thể như sau:

3.1. Danh sách ứng cử viên giới thiệu bầu bổ sung KSV nhiệm kỳ 2015-2020.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
1	Trần Thu Hương	Phó.TP phòng QLV Tổng Cty CN mỏ VB TKV CTCP

4. Đại hội tiến hành bầu cử.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử bầu bổ sung thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2015-2020 với số phiếu biểu quyết tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.

- Đại hội thống nhất danh sách các ứng viên bầu bổ sung vào Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020 gồm các ông(bà) có tên sau:

a/ Danh sách bầu bổ sung KSV công ty nhiệm kỳ 2015-2020

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
1	Trần Thu Hương	Phó.TP phòng QLV Tổng Cty CN mở VB TKV CTCP

5- Đại hội tiến hành thảo luận:

5.1 Các ý kiến tham gia vào kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.

- Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019. Đại hội thống nhất các chỉ tiêu chính trong báo cáo của Giám đốc đã trình bày về phương hướng nhiệm vụ năm 2019(Có bản chi tiết kèm theo)

- Đại hội thống nhất các biện pháp điều hành kế hoạch SXKD năm 2019 mà Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã trình bày.

- Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

5.2 Các ý kiến tham gia về vấn đề khác:

- Bộ máy điều hành cần đưa ra những biện pháp tối ưu để khắc phục các mặt tồn tại trong năm 2018, chỉ đạo sâu sát bộ phận phòng ban giúp việc trong Công ty phối kết hợp nhịp nhàng hơn trong công tác khoán quản trị chi phí trong sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện các định mức, chi phí giao khoán cho các đơn vị, triệt để tiết kiệm chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí quản lý doanh nghiệp góp phần hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong kinh doanh cần kiểm soát chặt chẽ đảm bảo hoạt động đúng quy định của Tập đoàn, Tổng công ty và pháp luật nhà nước, đảm bảo an toàn về vốn và tăng nhanh vòng quay đồng vốn.

- Quân tâm hơn nữa đến công tác tiêu thụ sản phẩm do Công ty làm ra, tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, để sản phẩm do Công ty làm ra có thể thâm nhập và có chỗ đứng trên thị trường ngoài ngành.

6. Công bố kết quả bầu cử:

Đại hội đã nghe Bà: Nguyễn Thị Hằng - Trưởng ban bầu cử thay mặt ban bầu cử công bố kết quả bầu cử, cụ thể như sau:

- Kết quả bầu bổ sung Kiểm soát viên

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ
1	Trần Thu Hương	44 phiếu = 1 116 712 CP	99.88%

- Căn cứ kết quả bầu cử, các ông (bà) có tên sau trúng cử bổ sung Kiểm soát viên Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI, nhiệm kỳ 2015 – 2020:

a/ Danh sách trúng cử bổ sung Kiểm soát viên công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ %
1	Trần Thu Hương	44 phiếu = 1 116 742CP	99.88%

7. Đại hội đã biểu quyết thông qua từng vấn đề như sau:

7.1 Thông qua chương trình Đại hội; Thông qua Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.:

Các cổ đông thống nhất thông qua chương trình đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Có 44 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

7.2 Thông qua các báo cáo:

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Báo cáo giám sát hoạt động của HĐQT và bộ máy điều hành công ty, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2018 của Ban kiểm soát.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019.

Có 44 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

7.3 Đại hội đã biểu quyết Phê duyệt báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu năm 2018	Đồng	237 790 396 535
2	Lợi nhuận trước thuế	”	1 853 159 347
3	Các khoản không được trừ khi xác định thuế TNDN	”	
4	Tổng lợi nhuận tính thuế	”	1 853 159 347
5	Nộp thuế TNDN	”	469 012 433
6	Lợi nhuận sau thuế	”	1 384 146 914
7	Lợi nhuận phân phối	”	1 384 146 914

Có 44 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

7.4 Đại hội đã biểu quyết thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2018 cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng
Lợi nhuận trước thuế	1 853 159 347
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	469 012 433
Lợi nhuận sau thuế	1 384 146 914
Phân phối lợi nhuận	
- Chi trả cổ tức	875 000 000
- Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ	509 146 914
- Quỹ đầu tư phát triển	152 744 074
- Quỹ khen thưởng	178 202 420
- Quỹ phúc lợi	178 202 420
- Quỹ thưởng viên chức quản lý	

Có 44 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

7.5 Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a. Mục tiêu chung: Đây mạnh sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo tiến độ đầu tư các dự án; điều hành kế hoạch một cách linh hoạt thích ứng với thị trường có nhiều biến động vì mục tiêu **An toàn - Đổi mới – Tăng trưởng-Hiệu quả.**

b. Mục tiêu cụ thể.

Hội đồng quản trị chỉ đạo bộ máy điều hành Công ty triển khai các biện pháp như: Tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, tìm kiếm việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm, khai thác tốt thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng, phụ kiện hầm lò, vật tư thiết bị...; Quản trị tốt chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng phát triển của Công ty. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, không để xảy ra tai nạn lao động và phấn đấu hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính sau đây:

- Doanh thu tối thiểu đạt : 250,43 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế tối thiểu đạt : 2,50 tỷ đồng
- Trả cổ tức cổ đông : 10%/VĐL 12,5 tỷ đồng
- Tiền lương b/q cho 1 CBCNV : 7,1 tr.đg/người/tháng
- Đầu tư xây dựng : 5,480 tỷ đồng

Trong đó:

- + Dự án đầu tư xe ô tô vận tải tải trọng ≥ 13 tấn: 1,480 tỷ đồng
- + Lập BCKT Nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm: 0,1 tỷ đồng
- + Dự án nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm: 3,9 tỷ đồng.

Có 44 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

7.6 Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

a. Tổng giá trị quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2018 là: 247 320 000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

+ Thù lao HĐQT: 165 240 000 đồng

+ Thù lao BKS: 82 080 000 đồng

b. Mức trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2019 như sau:

Chức danh	Mức thù lao hàng tháng
Chủ tịch HĐQT	4 320 000 đồng
Thành viên HĐQT	3 780 000 đồng
Thành viên BKS	3 420 000 đồng

Có 44 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

7.7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua đề HĐQT đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Có 44 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

5. Thông qua nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT ký phê duyệt quyết toán tài chính, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018, mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019, theo nội dung Nghị quyết đã được đại hội thông qua.

Chỉ đạo bộ máy điều hành tìm mọi biện pháp để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Đại hội đã nhất trí tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với tổng số 44 vị cổ đông biểu quyết tương đương tổng số phiếu là 1 118 046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Biên bản này đã được đọc trước đại hội và tất cả các cổ đông tham dự đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 30 phút ngày 25 tháng 3 năm 2019.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- Lê Thị Kim Chi



- Phạm Đức Nghĩa



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Đỗ Huy Hùng

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI

(Kèm theo BB Đại hội số: **0035** / BB - ĐHĐCĐ ngày **25/3** /2019)

STT		Họ và tên cổ đông/Người được ủy quyền	Mã số cổ đông	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
A		B	C	1	2	3=1+2	4
	A	Cổ đông pháp nhân		637 507		637 507	
	I	Tổng công ty CN mở Việt bắc TKV-CTCP	1	637 507		637 507	
1	1	Đỗ Huy Hùng					
	B	Cổ đông thể nhân		435 037	45 502	480 539	
	II	Phòng TCHC		246 915	19 334	266 249	
2	1	Phạm Đức Khiêm	32	240 914	19 334	260 248	
3	2	Trần Văn Bảy	14	1 667		1 667	
4	5	Lê Thị Kim Chi	153	1 667		1 667	
5	6	Vũ Thị Linh	127	2 667		2 667	
	III	Phòng Kế toán		10 250		10 250	
6	1	Bùi Phương Anh	174	7 917		7 917	
7	2	Ngô Hải Long	178	2 333		2 333	
	IV	Phòng KH-VT-TT		10 333	5 959	16 292	
8	1	Trịnh Văn Toán	89	4 042	5 959	10 001	
9	2	Trịnh Minh Phương	152	333		333	
10	3	Nguyễn Mạnh Hùng	23	5 958		5 958	
	V	Phòng Kinh doanh I		12 167	667	12 834	
11	1	Nguyễn Trọng Đức	24	12 167	667	12 834	
	VI	Phòng Kỹ thuật		6 250	3 667	9 917	
12	1	Ngô Minh Vinh	177	1 000		1 000	
13	2	Nguyễn Hải Hùng	78	1 667	1 667	3 334	
14	3	Phạm Xuân Chiến	162	3 583	2 000	5 583	
	VII	Xưởng Lưới Thép		37 081		37 081	
15	1	Tô Toàn Thắng	123	9 958		9 958	
16	2	Phạm Đức Nghĩa	120	18 166		18 166	

TS	TT	Họ và tên cô đồng/Người được ủy quyền	Mã số cô đồng	Sở hữu	Đại diện	Tổng số	Ghi chú
A		B	C	1	2	3=1+2	4
17	3	Nguyễn Thị Hằng	39	3 625		3 625	
18	4	Phạm Thị Yên	90	1 667		1 667	
19	5	Trần Văn Sanh	35	2 333		2 333	
20	6	Hoàng Văn Kiên	131	333		333	
21	7	Nguyễn Như Hợp	165	333		333	
22	8	Dương Tiến Dũng	129	333		333	
23	9	Nguyễn Thị Liễu	135	333		333	
	VIII	<u>Xưởng bao bì</u>		<u>20 875</u>	<u>1 000</u>	<u>21 875</u>	
24	1	Lê Văn Cường	124	1 000	1 000	2 000	
25	2	Nguyễn Thị Lý	76	3 292		3 292	
26	3	Trần Văn Thắng	175	7 917		7 917	
27	4	Đỗ Thị Thanh Vân	141	2 000		2 000	
28	5	Nguyễn Thị Minh Tuyên	144	2 000		2 000	
29	6	Đặng Thị Ngọc Hoa	145	1 333		1 333	
30	7	Chu Minh Sơn	151	333		333	
31	8	Bùi Thị Lan	137	1 333		1 333	
32	9	Ma Thị Tuyên	173	1 667		1 667	
	IX	<u>Phòng Kinh doanh II</u>		<u>28 666</u>	<u>6 958</u>	<u>35 624</u>	
33	1	Phạm Đức Trung	34	13 125		13 125	
34	2	Hoàng Thị Thu Hà	181	15 541		15 541	
35	3	Nguyễn Xuân Phòng			6 958	6 958	
	X	<u>Cổ đông khác</u>		<u>62 500</u>	<u>7 917</u>	<u>70 417</u>	
36	1	Phạm Thị Bình	102	12 708		12 708	
37	3	Nguyễn Thị Lý	20	1 917		1 917	
38	4	Lê Thị Thanh	26	1 667	3 292	4 959	
39	5	Vũ Thị Thu Giang			4 625	4 625	
40	6	Nguyễn Thị Thanh	22	9 583		9 583	
41	7	Phạm Thị Hương	60	16 833		16 833	
42	8	Đỗ Thị Tại	61	8 583		8 583	

TS	TT	Họ và tên cô đồng/Người được ủy quyền	Mã số cô đồng	Sở hữu	Đại diện	Tổng số	Ghi chú
A		B	C	1	2	3=1+2	4
43	9	Lê Thị Nhung	69	7 917		7 917	
44	10	Nguyễn Thị Ánh	96	3 292		3 292	
		Tổng cộng I+II = 44		1 072 544	45 502	1 118 046	

Hà Nội, Ngày 25 tháng 03 năm 2019

CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THƯ KÝ



Đỗ Huy Hùng

Lê Thị Kim Chi

